TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 181/2026/QĐST-HNGĐ	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 149, Điều 212, Điều 213, Điều 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 75/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Trà Thị Kiều M, sinh năm 1998; CCCD số: 089198011185 cấp ngày 13/01/2022 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; Địa chỉ: ấp C, xã D, tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1991; CCCD số: 079091015380 cấp ngày 20/4/2023 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp; Địa chỉ: ssos E đường F, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: số H, đường I, phường K, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 19 tháng 01 năm 2026 và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ những nội dung các đương sự thỏa thuận được như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trà Thị Kiều M và ông Nguyễn Tấn L tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường L1,

Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 04/02/2020. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2022 do đời sống chung không hòa hợp, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Dù hai bên đã cố gắng nhiều lần hàn gắn hạnh phúc nhưng không thành, hiện tình cảm vợ chồng đã không còn đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Trà Thị Kiều M và ông Nguyễn Tấn L yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con chung: Bà Trà Thị Kiều M và ông Nguyễn Tấn L có 01 (một) con chung tên là Nguyễn Ngọc Bảo N, sinh ngày 22/5/2020 ngoài ra không còn con chung nào khác. Vợ chồng thỏa thuận giao 01 (một) con chung tên là Nguyễn Ngọc Bảo N cho bà Trà Thị Kiều M trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Tấn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 (Hai triệu đồng).

Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 05 (dương lịch) hàng tháng; bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 05/02/2026 cho đến khi con chung thành niên. Thi hành tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Về tài sản chung: Bà Trà Thị Kiều M và ông Nguyễn Tấn L cùng xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Trà Thị Kiều M và ông Nguyễn Tấn L cùng xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Trà Thị Kiều M và ông Nguyễn Tấn L chịu.

Xét bà Trà Thị Kiều M và ông Nguyễn Tấn L thực sự tự nguyện ly hôn, Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Hai bên đã thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và về nợ chung: Không có. Sự thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội theo quy định tại Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu của các đương sự. Về lệ phí, bà Trà Thị Kiều M và ông Nguyễn Tấn L chịu nên ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trà Thị Kiều M và ông Nguyễn Tấn L thuận tình ly hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 04/02/2020 do Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

- Về nuôi con chung: Bà Trà Thị Kiều M và ông Nguyễn Tấn L xác nhận có 01 (một) con chung tên là Nguyễn Ngọc Bảo N, sinh ngày 22/5/2020 ngoài ra không còn con chung nào khác. Vợ chồng thỏa thuận giao 01 (một) con chung tên là Nguyễn Ngọc Bảo N cho bà Trà Thị Kiều M trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Tấn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 (Hai triệu đồng).

Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 05 (dương lịch) hàng tháng; bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 05/02/2026 cho đến khi con chung thành niên. Thi hành tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện việc cấp dưỡng theo thỏa thuận nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Trà Thị Kiều M và ông Nguyễn Tấn L cùng xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Trà Thị Kiều M và ông Nguyễn Tấn L cùng xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà Trà Thị Kiều M và ông Nguyễn Tấn L chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0052493 ngày 24/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND KV10;
- THADS TPHCM;
- UBND thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

Võ Thị Mỹ Tiên